

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 44



Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 20 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vacxin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Công ty có trụ sở chính tại số 415 đường Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Sơn Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2022
		Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Dương Thanh Bình	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Tom Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Dương Thủy Biên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Tạ Văn Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2022
Ông Đoàn Hải Đăng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Đức Tâm	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Bà Trần Thị Hoài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Đoàn Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyen Tom Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Dương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Ông Dương Thùy Biên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Nguyễn Cao Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Minh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Phan Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022
Bà Mai Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2022
Ông Tạ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2022
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Đinh Đại Lương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Đức Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2022
Ông Cấn Phúc Nghiê	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Linh	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2022
Ông Nguyen Tom Thanh	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Dương	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2022
	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyen Tom Thanh, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hà Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12916698/66796843-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ST. T. A. O.
CÔNG
TY
DƯỢC
PHẨM
NAM
HÀ
KIỂM

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 23 tháng 2 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 4 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		678.014.165.398	439.667.652.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	121.878.891.219	9.484.231.224
111	1. Tiền		71.878.891.219	9.484.231.224
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.500.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	2.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		225.673.648.840	217.728.247.915
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	172.222.900.084	206.085.945.400
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	26.797.990.519	10.334.912.424
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	26.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.857.632.968	2.186.578.495
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(3.204.874.731)	(879.188.404)
140	IV. Hàng tồn kho	9	322.441.612.110	195.480.061.566
141	1. Hàng tồn kho		329.335.878.159	197.367.031.719
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.894.266.049)	(1.886.970.153)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.520.013.229	16.975.111.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.143.334.415	1.232.020.029
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	3.286.919.466	15.666.458.051
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	89.759.348	76.633.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		333.272.021.645	342.578.932.892
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		110.347.480	3.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		110.347.480	3.000.000
220	II. Tài sản cố định		304.062.134.837	323.202.897.246
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	249.916.562.073	261.213.435.564
222	Nguyên giá		561.125.604.236	550.234.765.837
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(311.209.042.163)	(289.021.330.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	54.145.572.764	61.989.461.682
228	Nguyên giá		56.431.532.260	63.372.970.066
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.285.959.496)	(1.383.508.384)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		19.096.341.412	13.937.666.135
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	19.096.341.412	13.937.666.135
260	IV. Tài sản dài hạn khác		10.003.197.916	5.435.369.511
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	10.003.197.916	5.435.369.511
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.011.286.187.043	782.246.585.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		669.156.148.689	521.267.556.904
310	I. Nợ ngắn hạn		596.907.575.369	415.876.806.846
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	148.315.805.420	116.449.448.553
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	15.925.081.380	5.317.575.424
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.524.141.242	12.249.478.481
314	4. Phải trả người lao động		42.163.179.393	30.798.779.104
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	57.888.471.432	16.098.377.222
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		514.410.777	3.221.132.063
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.096.806.099	3.240.072.378
320	8. Vay ngắn hạn	18	309.402.862.657	218.405.880.356
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.993.877.120	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	10.082.939.849	10.096.063.265
330	II. Nợ dài hạn		72.248.573.320	105.390.750.058
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	340.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.387.004.110	3.007.404.110
338	3. Vay dài hạn	18	54.460.590.835	95.903.923.877
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	16.400.978.375	6.139.422.071
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		342.130.038.354	260.979.028.223
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	342.130.038.354	260.979.028.223
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		52.000.000.000	52.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.000.000.000	52.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		128.105.345.047	103.105.345.047
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		156.824.693.307	100.673.683.176
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		70.673.683.176	70.642.060.196
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		86.151.010.131	30.031.622.980
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.011.286.187.043	782.246.585.127

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Phan Thị Thủy
Trưởng phòng kế toán

Hà Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.011.082.343.595	1.127.487.513.329
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(11.451.703.110)	(54.800.926.104)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	999.630.640.485	1.072.686.587.225
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(597.434.330.207)	(725.438.981.926)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		402.196.310.278	347.247.605.299
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	5.831.941.224	784.628.028
22	7. Chi phí tài chính	23	(26.935.791.179)	(17.366.158.662)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24.515.459.340)	(17.242.950.464)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(159.514.783.261)	(214.620.233.082)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(116.140.498.773)	(80.160.574.509)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.437.178.289	35.885.267.073
31	11. Thu nhập khác	25	2.901.376.305	2.359.108.879
32	12. Chi phí khác		(282.343.371)	(438.851.892)
40	13. Lợi nhuận khác		2.619.032.934	1.920.256.986
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		108.056.211.223	37.805.524.059
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(21.905.201.092)	(7.773.901.079)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		86.151.010.131	30.031.622.980
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		86.151.010.131	30.031.622.980
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	16.568	4.814
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	16.568	4.814


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Trưởng phòng kế toán


Hà Linh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		108.056.211.223	37.805.524.059
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		28.024.173.227	26.980.836.332
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		10.326.859.343	(1.076.853.895)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.188.626.662	(8.881.862)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.195.403.966)	(431.674.818)
06	Chi phí lãi vay		24.515.459.340	17.242.950.464
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(2.543.942.181)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.915.925.829	77.967.958.100
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		29.368.246.461	(24.173.714.818)
10	Tăng hàng tồn kho		(131.968.846.440)	(20.254.806.476)
11	Tăng các khoản phải trả		89.122.931.966	5.897.225.366
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(644.377.928)	1.558.468.180
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.605.508.953)	(16.791.186.170)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.044.701.988)	(4.151.263.213)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	6.262.410.595
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.013.123.416)	(10.669.048.414)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		92.130.545.531	15.646.043.150
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(26.594.298.747)	(46.704.105.348)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		20.997.665.992	519.027.129
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(56.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		28.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.812.001.477	7.595.150
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(29.284.631.278)	(46.177.483.069)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		784.678.276.399	910.098.349.646
34	Tiền trả nợ gốc vay		(735.124.627.140)	(883.085.351.205)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(20.800.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		49.553.649.259	6.212.998.441
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		112.399.563.512	(24.318.441.479)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.484.231.224	33.802.928.256
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.903.517)	(255.554)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	121.878.891.219	9.484.231.224


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Trưởng phòng kế toán




Hà Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2199/1999/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600206147 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 2000. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định cấp ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, các loại thuốc dược phẩm khác, sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế, chế phẩm sinh học); bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (bao gồm: thuốc tân dược chữa bệnh cho người, thuốc đông dược, hóa chất, dược liệu, tinh dầu, vacxin, sinh phẩm, mỹ phẩm, máy móc, trang thiết bị và dụng cụ y tế).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và chi nhánh trực thuộc là các chi nhánh tại các tỉnh và thành phố tại Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 897 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 846).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc với thông tin chi tiết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6 chi nhánh):

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Hà Nội	Số 423 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Nam Định	Số 415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Đà Nẵng	Số 208 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Số 68-70 đường 17B, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Nghệ An	LK 9-10 Đường số 2 – Khu Đô thị Nam Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà – chi nhánh Cần Thơ	Thửa đất 1920, tờ bản đồ số 7, KDC lô số 8C, thuộc khu đô thị Nam Cần Thơ, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.	Phân phối các sản phẩm thuốc tân dược

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty cũng có một công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dược liệu xanh Nam Hà (tên trước đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Dược Nam Hà) có địa chỉ tại Lô 2, CN 6, cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà là trồng cây (hương liệu, dược liệu, gia vị...), bán buôn dụng cụ y tế, bán lẻ dụng cụ thiết bị thể thao, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hoạt động tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và Công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp
Thành phẩm	- Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	không phân bổ
Quyền sử dụng đất khác	20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký trong thời hạn 42 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu chiếm tỷ trọng 99% tổng doanh thu trong kỳ và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện và tài sản chủ yếu được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.434.818.447	1.150.710.141
Tiền gửi ngân hàng	68.444.072.772	8.333.521.083
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	121.878.891.219	9.484.231.224

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,6%/năm đến 6,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng với lãi suất 6,3%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Modern Choice Experts	7.980.859.904	4.864.641.950
Trung tâm Y tế huyện Ý Yên	4.510.152.792	9.909.508.810
Trung Tâm Y tế huyện Giao Thủy	3.376.566.133	6.596.544.646
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	156.355.321.255	184.715.249.994
TỔNG CỘNG	172.222.900.084	206.085.945.400
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.204.874.731)	(879.188.404)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Greensol	13.305.007.650	-
Công ty TNHH Tập đoàn Shandong Hongjitang Pharmaceutical	-	5.173.759.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	13.492.982.869	5.161.152.924
TỔNG CỘNG	26.797.990.519	10.334.912.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phan Anh Tuấn (*)	16.000.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Việt (**)	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	26.000.000.000	-

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 14 tháng 10 năm 2023, hưởng lãi suất 9%/năm.

(**) Đây là khoản cho vay tín chấp có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 17 tháng 10 năm 2023, hưởng lãi suất 8%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	1.037.872.288	1.453.863.641
Thu chi hộ	1.837.946.268	-
Phải thu lãi tiền gửi	761.943.287	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.577.500	23.047.480
Phải thu ngắn hạn khác	193.293.625	709.667.374
TỔNG CỘNG	3.857.632.968	2.186.578.495

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	44.872.016.904	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.928.706.877	(4.146.866.281)	79.737.996.969	(632.157.340)
Công cụ, dụng cụ	985.882.533	(403.056.208)	734.467.515	(417.224.053)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.359.153.135	-	8.586.287.128	-
Thành phẩm	95.500.565.102	(115.446.838)	28.247.351.722	(425.561.235)
Hàng hóa	95.689.553.608	(2.228.896.722)	80.060.928.385	(412.027.525)
TỔNG CỘNG	329.335.878.159	(6.894.266.049)	197.367.031.719	(1.886.970.153)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số hàng tồn kho của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính:</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.886.970.153	2.157.756.770
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	6.452.317.876	1.229.681.730
<i>Trừ:</i> Sử dụng dự phòng trong năm	<u>(1.445.021.980)</u>	<u>(1.500.468.347)</u>
Số cuối năm	<u>6.894.266.049</u>	<u>1.886.970.153</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Phần mềm	165.243.012	65.768.877
Phí bảo hiểm	246.324.303	112.671.473
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.718.752.934	415.649.690
Phí bảo trì, bảo dưỡng	<u>13.014.166</u>	<u>637.929.989</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.143.334.415</u>	<u>1.232.020.029</u>
<i>Dài hạn</i>		
Chi phí trả trước về trúng thầu thuê đất	3.430.097.200	3.528.359.404
Chi phí thuê đất	4.834.764.862	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.639.126.495	1.054.236.049
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>99.209.359</u>	<u>852.774.058</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.003.197.916</u>	<u>5.435.369.511</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	262.663.318.100	235.404.006.580	34.043.790.736	18.123.650.421	-	550.234.765.837
- Mua trong kỳ	70.762.500	8.074.901.641	9.168.649.482	1.050.784.545	61.981.818	18.427.079.986
- Thanh lý, nhượng bán	-	(539.107.136)	(6.672.467.085)	(324.667.366)	-	(7.536.241.587)
Số cuối năm	262.734.080.600	242.939.801.085	36.539.973.133	18.849.767.600	61.981.818	561.125.604.236
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	24.345.463.629	140.958.047.450	10.204.594.741	15.335.253.148	-	190.843.358.968
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	75.836.598.502	171.242.667.520	25.405.787.873	16.536.276.378	-	289.021.330.273
- Khấu hao trong kỳ	10.353.184.860	14.277.710.690	3.491.492.264	571.716.957	45.191.916	28.739.296.687
- Thanh lý, nhượng bán	-	(520.920.441)	(5.705.996.990)	(324.667.366)	-	(6.551.584.797)
Số cuối năm	86.189.783.362	184.999.457.769	23.191.283.147	16.783.325.969	45.191.916	311.209.042.163
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	186.826.719.598	64.161.339.060	8.638.002.863	1.587.374.043	-	261.213.435.564
Số cuối năm	176.544.297.238	57.940.343.316	13.348.689.986	2.066.441.631	16.789.902	249.916.562.073

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	62.115.735.066	1.257.235.000	63.372.970.066
- Mua mới	-	11.450.112.194	11.450.112.194
- Thanh lý nhượng bán	<u>(18.391.550.000)</u>	<u>-</u>	<u>(18.391.550.000)</u>
Số cuối năm	<u>43.724.185.066</u>	<u>12.707.347.194</u>	<u>56.431.532.260</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	126.273.384	1.257.235.000	1.383.508.384
- Hao mòn trong kỳ	<u>8.060.004</u>	<u>894.391.108</u>	<u>902.451.112</u>
Số cuối năm	<u>134.333.388</u>	<u>2.151.626.108</u>	<u>2.285.959.496</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>61.989.461.682</u>	<u>-</u>	<u>61.989.461.682</u>
Số cuối năm	<u>43.589.851.678</u>	<u>10.555.721.086</u>	<u>54.145.572.764</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại khoảng 26 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí nâng cấp tài sản	15.873.598.821	-
Phần mềm	2.799.169.000	8.271.832.194
Chi phí cho quyền sử dụng đất tại Nam Định	-	5.127.155.986
Xây dựng cơ bản khác	<u>423.573.591</u>	<u>538.677.955</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.096.341.412</u>	<u>13.937.666.135</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Scigen PTE Ltd.	66.559.666.476	66.559.666.476	-	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách khoa	6.118.592.510	6.118.592.510	-	-
Công ty TNHH Sự lựa chọn Vàng	6.133.448.642	6.133.448.642	2.082.395.408	2.082.395.408
Công ty Cổ phần Dược Á Châu	-	-	9.400.759.850	9.400.759.850
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	1.200.240.000	1.200.240.000	8.261.958.364	8.261.958.364
Phải trả cho các đối tượng khác	68.303.857.792	68.303.857.792	96.704.334.931	96.704.334.931
TỔNG CỘNG	148.315.805.420	148.315.805.420	116.449.448.553	116.449.448.553

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sự lựa chọn Vàng	7.642.304.513	7.642.304.513	-	-
Công ty Cổ phần DTS Việt Nam	5.026.414.568	5.026.414.568	3.202.181.120	3.202.181.120
Phải trả cho các đối tượng khác	3.256.362.299	3.256.362.299	2.115.394.304	2.115.394.304
TỔNG CỘNG	15.925.081.380	15.925.081.380	5.317.575.424	5.317.575.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.719.434.990	3.442.642.547	(5.427.814.090)	1.734.263.447
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.763.395.215	21.905.201.092	(28.044.701.988)	1.623.894.319
Thuế thu nhập cá nhân	766.648.276	7.270.230.438	(7.870.895.238)	165.983.476
Thuế khác	-	1.396.942.879	(1.396.942.879)	-
TỔNG CỘNG	12.249.478.481	34.015.016.956	(42.740.354.195)	3.524.141.242
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu/ cần trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	15.666.458.051	-	(12.379.538.585)	3.286.919.466
Thuế thu nhập cá nhân	76.087.348	89.213.246	(76.087.348)	89.213.246
Thuế khác	546.102	-	-	546.102
TỔNG CỘNG	15.743.091.501	89.213.246	(12.455.625.933)	3.376.678.814

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí khuyến mại, tiếp thị	10.313.969.720	11.391.131.389
Chi phí mua hàng chưa nhận được hóa đơn	46.699.251.103	-
Lãi vay	625.594.105	715.643.718
Chi phí phải trả khác	249.656.504	3.991.602.115
TỔNG CỘNG	57.888.471.432	16.098.377.222

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thu chi hộ	1.836.110.584	-
Nhận ký quỹ, ký cược	2.089.555.000	551.931.000
Các khoản phải trả khác	2.171.140.515	2.688.141.378
TỔNG CỘNG	6.096.806.099	3.240.072.378

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Thuyết minh số	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	185.557.126.724	185.557.126.724	752.944.037.192	(641.753.431.259)	296.747.732.657	296.747.732.657	
Vay đối tượng khác	12.034.769.632	12.034.769.632	26.773.432.207	(38.805.877.839)	2.324.000	2.324.000	
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	17.323.062.000	17.323.062.000	12.502.806.000	(17.323.062.000)	12.502.806.000	12.502.806.000	
Vay dài hạn đối tượng khác đến hạn trả	3.490.922.000	3.490.922.000	150.000.000	(3.490.922.000)	150.000.000	150.000.000	
TỔNG CỘNG	218.405.880.356	218.405.880.356	792.370.275.399	(701.373.293.098)	309.402.862.657	309.402.862.657	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	76.503.422.077	76.503.422.077	4.809.788.000	(26.852.619.242)	54.460.590.835	54.460.590.835	
Vay đối tượng khác	19.400.501.800	19.400.501.800	151.019.000	(19.551.520.800)	-	-	
TỔNG CỘNG	95.903.923.877	95.903.923.877	4.960.807.000	(46.404.140.042)	54.460.590.835	54.460.590.835	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Định	161.732.917.797	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 6 năm 2023. Lãi trả hàng tháng.	6,2% – 8,8%	Nhà cửa, vật kiến trúc tại số 415, Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	39.375.336.815	Kỳ hạn từ 3 đến 5 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 5 năm 2023. Lãi suất trả hàng tháng.	7% – 10,5%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lý Thái Tổ	9.153.219.071	Kỳ hạn 4 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 4 năm 2023. Lãi suất trả hàng tháng.	8,65% – 8,81%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	86.486.258.974	Kỳ hạn 6 tháng. Khoản cuối cùng đáo hạn ngày 9 tháng 6 năm 2023. Lãi suất trả hàng tháng.	4,5% – 8,2%	Phương tiện vận tải, quyền đòi nợ và hàng tồn kho luân chuyển.

TỔNG CỘNG

296.747.732.657

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ông Nguyễn Xuân Kiên	2.324.000	Gốc và lãi đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2023.	8,4%	Tin chấp

TỔNG CỘNG

2.324.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Nam Định	42.487.792.000	Gốc trả hàng quý đến ngày 21 tháng 12 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng.	7,1% - 8,7%	Quyền sử dụng đất tại thửa đất 34a, số 415 Hân Thuyền, Vị Xuyên, Nam Định và các tài sản gắn liền với đất là: "Xưởng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe" và "Xưởng sản xuất viên sắt". Toàn bộ máy móc thiết bị ("MMTB ") thuộc dự án "Đầu tư MMTB cho xưởng viên sắt".
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Nam Định	22.575.604.835	Gốc trả hàng quý đến ngày 30 tháng 11 năm 2028. Lãi vay trả hàng tháng.	7,1% - 8,5%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Hà Nội. Phương tiện vận tải hình thành từ nguồn vốn vay. Các hạng mục công trình "Trung tâm thị nghiệm và kiểm soát chất lượng" và "Nhà để xe kết hợp nhà ăn". Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 31 và 90 tại tổ 13, Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng. Máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư MMTB cho dây chuyền sản xuất thực phẩm chức năng GMP" của Công ty.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	1.900.000.000	Gốc trả hàng quý đến ngày 29 tháng 9 năm 2027. Lãi vay trả hàng tháng.	7,2%	Xe ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	66.963.396.835			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	12.502.806.000			
Vay dài hạn	54.460.590.835			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Lê Thị Hằng	50.000.000	Gốc và lãi vay đáo hạn từ ngày 7 tháng 3 năm 2023 đến 11 tháng 8 năm 2023.	7,45%	Tin chấp
Bà Phạm Thị Lương	100.000.000	Gốc và lãi vay đáo hạn vào ngày 9 tháng 10 năm 2023.	7,45%	Tin chấp

TỔNG CỘNG

150.000.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

150.000.000

Vay dài hạn

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI VÀ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	10.096.063.265	15.265.803.600
Trích quỹ trong năm	5.000.000.000	1.804.080.092
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(5.013.123.416)</u>	<u>(6.973.820.427)</u>
Số cuối năm	<u>10.082.939.849</u>	<u>10.096.063.265</u>
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
Số đầu năm	6.139.422.071	8.683.364.252
Trích quỹ trong năm	12.000.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(1.738.443.696)</u>	<u>(2.543.942.181)</u>
Số cuối năm	<u>16.400.978.375</u>	<u>6.139.422.071</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	90.573.739.298	106.723.662.037	-	254.497.401.335
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.031.622.980	-	30.031.622.980
- Chia cổ tức	-	-	-	(20.800.000.000)	-	(20.800.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.749.996.092)	-	(2.749.996.092)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.531.605.749	(12.531.605.749)	-	-
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	103.105.345.047	100.673.683.176	-	260.979.028.223
Năm nay						
Số đầu năm	52.000.000.000	5.200.000.000	103.105.345.047	100.673.683.176	-	260.979.028.223
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	86.151.010.131	-	86.151.010.131
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	25.000.000.000	(25.000.000.000)	-	-
Số cuối năm	52.000.000.000	5.200.000.000	128.105.345.047	156.824.693.307	-	342.130.038.354

(*) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐTN-DPNH-2022 ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp của cổ đông	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
TỔNG CỘNG	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Số cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	20.800.000.000

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021: VND 4.000/cổ phiếu	-	20.800.000.000

20.5 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành	5.200.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.011.082.343.595	1.127.487.513.329
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.005.391.605.839</i>	<i>1.123.535.165.369</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.903.864.269</i>	<i>3.484.016.384</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>786.873.487</i>	<i>468.331.576</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.451.703.110)	(54.800.926.104)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(10.474.517.758)</i>	<i>(51.745.212.508)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(977.185.352)</i>	<i>(3.055.713.956)</i>
DOANH THU THUẦN	<u>999.630.640.485</u>	<u>1.072.686.587.225</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>993.939.902.729</i>	<i>1.068.734.239.265</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.903.864.269</i>	<i>3.484.016.384</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>786.873.487</i>	<i>468.331.576</i>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	5.571.275.572	7.595.150
Doanh thu tài chính khác	260.665.652	777.032.878
TỔNG CỘNG	<u>5.831.941.224</u>	<u>784.628.028</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	600.129.279.877	723.224.492.632
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.851.462.160	1.315.396.215
Giá vốn khác	460.884.066	1.169.879.696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.007.295.896)	(270.786.617)
TỔNG CỘNG	<u>597.434.330.207</u>	<u>725.438.981.926</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	24.515.459.340	17.242.950.464
Chênh lệch tỷ giá	2.210.158.739	123.208.198
Chi phí tài chính khác	210.173.100	-
TỔNG CỘNG	<u>26.935.791.179</u>	<u>17.366.158.662</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	104.013.722.960	90.016.245.055
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.058.812.709	1.481.225.996
Chi phí khấu hao	5.574.061.434	4.710.999.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.047.047.782	32.075.454.743
Chi phí bán hàng khác	21.821.138.376	86.336.307.803
	<u>159.514.783.261</u>	<u>214.620.233.082</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	63.870.609.039	47.580.700.354
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.823.313.011	6.022.330.572
Chi phí khấu hao	11.987.794.816	10.931.551.256
Chi phí dự phòng	17.319.563.447	(806.067.278)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.402.551.725	14.700.862.061
Chi phí bằng tiền khác	1.736.666.735	1.731.197.544
	<u>116.140.498.773</u>	<u>80.160.574.509</u>
TỔNG CỘNG	<u>275.655.282.034</u>	<u>294.780.807.591</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	2.621.459.202	424.079.668
Thu nhập khác	279.917.103	1.935.029.211
TỔNG CỘNG	<u>2.901.376.305</u>	<u>2.359.108.879</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	461.294.944.407	253.445.793.357
Chi phí nhân công	212.161.863.619	169.175.956.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	28.024.173.227	26.938.315.538
Chi phí dự phòng	10.326.859.343	(1.076.853.895)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.017.242.565	54.472.532.435
Chi phí khác	44.221.793.416	93.638.166.175
TỔNG CỘNG	817.046.876.577	596.593.910.098

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.894.695.228	7.773.901.079
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong kỳ trước	10.505.864	-
TỔNG CỘNG	21.905.201.092	7.773.901.079

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108.056.211.223	37.805.524.059
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.611.242.245	7.561.104.812
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ khác	283.452.983	212.796.267
Điều chỉnh hợp nhất không tính thuế	38.799.044	91.755.001
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	(38.799.044)	(91.755.001)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong những năm trước	10.505.864	-
Chi phí thuế TNDN	21.905.201.092	7.773.901.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 934.713.037 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 740.717.818 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Đây là lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ		Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022
	đến năm	Lỗ tính thuế (*)			
2019	2024	224.891.766	-	-	224.891.766
2020	2025	57.051.049	-	-	57.051.049
2021	2026	458.775.003	-	-	458.775.003
2022	2027	193.995.219	-	-	193.995.219
TỔNG CỘNG		934.713.037	-	-	934.713.037

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty cổ phần Tập đoàn R&H	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Hồ Nam	Cổ đông lớn
Bà Phạm Thị Hạnh	Cổ đông lớn/Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Việt Phương	Cổ đông lớn

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ bán hàng, mua hàng và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thủ lao của các thành viên thuộc Hội đồng Quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	
Ông Dương Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	211.301.362	1.333.136.300	
Ông Nguyễn Thanh Dương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	155.447.963	1.300.800.800	
Ông Hà Linh	Tổng Giám đốc	380.386.255	-	
Ông Dương Thùy Biên	Phó Tổng Giám đốc	205.856.596	1.161.505.384	
Ông Nguyễn Tom Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.003.257.274	-	
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	211.779.375	1.118.116.841	
Ông Tạ Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	205.990.000	502.006.197	
Ông Đoàn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	148.356.900	794.149.160	
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên HĐQT	142.990.197	951.708.061	
Ông Nguyễn Cao Toàn	Phó Tổng Giám đốc	123.308.586	465.952.696	
Ông Trần Minh Tài	Phó Tổng Giám đốc	860.724.800	-	
Ông Phan Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	683.399.800	-	
Bà Mai Thủy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	103.151.918	889.568.938	
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc	116.099.827	865.738.756	
Ông Cán Khúc Nghiên	Phó Tổng Giám đốc	107.080.678	1.496.546.385	
Ban Kiểm soát		226.716.500	954.225.900	
TỔNG CỘNG		4.875.848.031	11.833.455.418	

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.151.010.131	30.031.622.980
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	86.151.010.131	25.031.622.980
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.200.000	5.200.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	5.200.000	5.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.568	4.814
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.568	4.814

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐTN-DPNH-2022 ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.268.941.000	1.268.941.000
Từ 1 - 5 năm	5.075.764.000	5.075.764.000
Trên 5 năm	22.903.657.667	24.172.598.667
TỔNG CỘNG	29.248.362.667	30.517.303.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.080,39	725,75
- Đồng EURO (EUR)	238,03	238,03

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Phan Thị Thủy
Trưởng phòng kế toán


Hà Linh
Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2023



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn